

Bản án số: 34/2019/DS-ST

Ngày: 08/10/2019

V/v “Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Bình Đảo

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Quyền

Bà Trần Thị Ngọc Trân

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Kháng -
Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Ông Cao Phương Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 10 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: số 38/2019/TLST-DS ngày 24 tháng 6 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2019/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Minh H, sinh năm: 1992.

Địa chỉ: phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi ở hiện nay: 120N80TH STREET SEATTLE WA 98103 USA.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Công K, sinh năm: 1971. (có mặt tại phiên tòa)

Địa chỉ: khu phố P, thị trấn V, huyện V, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn P, sinh năm: 1974. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Chị Nguyễn Kim T, sinh năm: 1976. (có mặt tại phiên tòa)

Cùng địa chỉ: khu phố Vĩnh Phước P, thị trấn V, huyện V, tỉnh Kiên Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Minh H, sinh năm: 1959. (có mặt tại phiên tòa)

Địa chỉ: phường M, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi ở hiện nay: phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 11/10/2018, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Minh H khởi kiện cho rằng:** Vào ngày 01/5/2017 giữa vợ chồng anh Nguyễn Văn P và chị Nguyễn Kim T có vay của chị H 1.000.000.000 đồng, thời hạn trả là ngày 01/5/2018, lãi suất 2,5%/tháng.

Nhưng từ ngày vay đến nay đã hết hạn, nhưng vợ chồng anh P và chị T không trả vốn và cũng không trả lãi cho chị H.

Nay chị H yêu cầu vợ chồng anh P và chị T trả cho chị H số tiền nợ vay vốn gốc 1.000.000.000 đồng và lãi suất theo quy định từ ngày 01/5/2017 đến ngày xét xử.

*** Trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Minh H là ông Huỳnh Công K trình bày:** Vào ngày 01/5/2017, chị H có cho bị đơn vợ chồng anh Nguyễn Văn P, chị Nguyễn Kim T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh H vay 1.000.000.000 đồng trong thời hạn 01 năm để hùn vốn nuôi tôm, lãi suất 2,5%/tháng. Từ ngày vay đến nay bị đơn vợ chồng anh Nguyễn Văn P, chị Nguyễn Kim T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh H không trả được khoản vay vốn gốc và lãi suất cho chị H.

Nay chị H yêu cầu bị đơn vợ chồng anh Nguyễn Văn P, chị Nguyễn Kim T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh H liên đới trả cho chị H số tiền nợ vay vốn gốc 1.000.000.000 đồng và lãi suất theo quy định từ ngày 01/5/2017 đến ngày xét xử.

Đối với yêu cầu giải quyết hợp đồng hùn vốn nuôi tôm của bị đơn vợ chồng anh Nguyễn Văn P và chị Nguyễn Kim T với ông Nguyễn Minh H thì chị H không đồng ý và yêu cầu nếu có tranh chấp thì yêu cầu anh P và chị T khởi kiện ông H thành vụ kiện khác chứ không đồng ý đưa vào giải quyết trong vụ án này. Ngoài ra, không có ý kiến trình bày gì thêm và cũng không có yêu cầu nào khác.

*** Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Văn P và chị Nguyễn Kim T trình bày:** Ngày 01/5/2017, vợ chồng anh Nguyễn Văn P và chị Nguyễn Kim T với ông Nguyễn Minh H có vay của chị Nguyễn Thị Minh H số tiền vốn gốc 1.000.000.000 đồng, thời hạn 01 năm để hùn vốn nuôi tôm, nhưng vợ chồng anh P và chị T không giữ tiền mà do ông H giữ. Trong quá trình vay vợ chồng anh P và chị T có chuyển trả lãi cho chị H vào tài khoản của ông H 100.000.000 đồng.

Nay vợ chồng anh P và chị T yêu cầu ông Nguyễn Minh H cùng có nghĩa vụ trả cho chị H số tiền nợ vay vốn gốc 1.000.000.000 đồng và lãi suất theo quy định.

Yêu cầu giải quyết hợp đồng hùn vốn nuôi tôm với ông H để tính toán lấy tiền trả số tiền nợ vay 1.000.000.000 đồng cho chị H.

Ngoài ra anh P và chị T không có ý kiến trình bày gì thêm và cũng không có yêu cầu nào khác.

*** Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh H trình bày:** Ngày 01/5/ 2017 vợ chồng anh P, chị T và ông H có vay của chị H số tiền vốn gốc 1.000.000.000 đồng, thời hạn 01 năm để hùn vốn nuôi Tôm. Trong quá trình vay vợ chồng anh P và chị T có chuyển trả lãi vào tài khoản của ông H 100.000.000 đồng.

Nay ông Nguyễn Minh H đồng ý cùng với vợ chồng anh P và chị T cùng có nghĩa vụ trả cho chị H số tiền nợ vay vốn gốc 1.000.000.000 đồng và lãi suất theo quy định.

Đối với yêu cầu giải quyết hợp đồng hùn vốn nuôi tôm với ông H để tính toán lấy tiền trả số tiền nợ vay 1.000.000.000 đồng cho chị H thì ông không đồng ý và ông yêu cầu nếu có tranh chấp thì yêu cầu ông P và chị T khởi kiện thành vụ kiện khác chứ không đồng ý đưa vào giải quyết trong vụ án này. Ngoài ra, ông H không có ý kiến trình bày gì thêm và cũng không có yêu cầu nào khác.

*** Tại phiên tòa:**

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Minh H là ông Huỳnh Công K trình bày:

Chị H yêu cầu bị đơn vợ chồng anh Nguyễn Văn P, chị Nguyễn Kim T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh H liên đới trả cho chị H số tiền nợ vay vốn gốc 1.000.000.000 đồng và lãi suất theo quy định từ ngày 01/5/2017 đến ngày xét xử.

Đối với yêu cầu giải quyết hợp đồng hùn vốn nuôi tôm của bị đơn vợ chồng anh Nguyễn Văn P và chị Nguyễn Kim T với ông Nguyễn Minh H thì chị H không đồng ý và yêu cầu nếu có tranh chấp thì yêu cầu anh P và chị T khởi kiện ông H thành vụ kiện khác chứ không đồng ý đưa vào giải quyết trong vụ án này. Ngoài ra, không có ý kiến trình bày gì thêm và cũng không có yêu cầu nào khác.

Bị đơn chị Nguyễn Kim T trình bày:

Chị T đồng ý cùng với chồng chị T là anh P trả cho chị H số tiền nợ vay vốn gốc 500.000.000 đồng, ông Nguyễn Minh H phải có trách nhiệm trả cho chị H số tiền nợ vay vốn gốc 500.000.000 đồng và xin không tính lãi.

Yêu cầu giải quyết hợp đồng hùn vốn nuôi tôm với ông H để tính toán lấy tiền trả số tiền nợ vay 1.000.000.000 đồng cho chị H.

Ngoài ra chị T không có ý kiến trình bày gì thêm và cũng không có yêu cầu nào khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh H trình bày:

Ông Nguyễn Minh H đồng ý cùng với vợ chồng anh P và chị T cùng có nghĩa vụ trả cho chị H số tiền nợ vay vốn gốc 1.000.000.000 đồng và lãi suất theo quy định.

Đối với yêu cầu giải quyết hợp đồng hùn vốn nuôi tôm của bị đơn vợ chồng anh Nguyễn Văn P và chị Nguyễn Kim T với ông Nguyễn Minh H thì ông H không đồng ý và yêu cầu nếu có tranh chấp thì yêu cầu anh P và chị T khởi kiện ông H thành vụ kiện khác chứ không đồng ý đưa vào giải quyết trong vụ án này. Ngoài ra, không có ý kiến trình bày gì thêm và cũng không có yêu cầu nào khác.

**** Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:***

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Minh H, buộc bị đơn anh Nguyễn Văn P, chị Nguyễn Kim T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh H liên đới trả cho nguyên đơn chị Nguyễn Thị Minh H số tiền nợ vay vốn gốc 1.000.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Minh H thực hiện quyền khởi kiện theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự là thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Minh H ủy quyền cho ông Huỳnh Công K tham gia tố tụng, bị đơn anh Nguyễn Văn P có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Minh H với bị đơn vợ chồng anh Nguyễn Văn P, chị Nguyễn Kim T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh H là “Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015. Cụ thể nguyên

đơn chị Nguyễn Thị Minh H yêu cầu bị đơn vợ chồng anh Nguyễn Văn P, chị Nguyễn Kim T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh H liên đới trả cho chị Nguyễn Thị Minh H số tiền nợ vay vốn gốc 1.000.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày vay cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

[3] Về nội dung vụ án:

Trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn chị H, bị đơn vợ chồng anh P chị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông H, cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn chị H, bị đơn chị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông H thống nhất xác định, ngày 01/5/2017 vợ chồng anh P, chị T và ông H có vay của chị H số tiền vốn gốc 1.000.000.000 đồng, thời hạn 01 năm để hùn vốn nuôi tôm, trong quá trình vay vợ chồng anh P và chị T có chuyển trả lãi cho chị H vào tài khoản của ông H 100.000.000 đồng.

Nguyên đơn chị H yêu cầu bị đơn vợ chồng anh P, chị T và ông H cùng liên đới trả cho chị H số tiền nợ vay vốn gốc 1.000.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 01/5/2017 cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh P yêu cầu ông H cùng có nghĩa vụ trả cho chị H số tiền nợ vay vốn gốc 1.000.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật.

Bị đơn chị T đồng ý cùng với chồng chị T là anh P trả cho chị H số tiền nợ vay vốn gốc 500.000.000 đồng, ông Nguyễn Minh H phải có trách nhiệm trả cho chị H số tiền nợ vay vốn gốc 500.000.000 đồng và xin không tính lãi suất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông H đồng ý cùng với vợ chồng anh P và chị T cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho chị H số tiền nợ vay vốn gốc 1.000.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Xét nội dung của hợp đồng, trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa các đương sự đều thống nhất xác định ngày 01/5/2017, chị H có cho anh P, chị T và ông H vay số tiền vốn gốc 1.000.000.000 đồng, trong quá trình vay anh P và chị T có chuyển trả lãi cho chị H vào tài khoản của ông H 100.000.000 đồng. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, Hội đồng xét xử xác định giữa các đương sự có xác lập giao dịch dân sự về vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015. Căn cứ nhận định trên, giao dịch vay tài sản giữa chị H với anh P, chị T và ông H là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự về hợp đồng vay tài sản. Anh P, chị T và ông H đã nhận được tài sản thì phải có nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự.

Xét yêu cầu của chị H yêu cầu anh P, chị T và ông H phải trả lãi theo quy định pháp luật từ ngày 01/5/2017 cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Hợp đồng

vay với mức lãi suất do các bên thỏa thuận được quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS 2015 thì “*Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác... Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.*”. Đối chiếu quy định tại khoản 1 nêu trên, mức lãi suất tối đa các bên có thể thỏa thuận là 20%/năm. Lãi suất theo quy định trong vụ án được tính cụ thể như sau: Số tiền vay vốn gốc 1.000.000.000 đồng từ ngày 01/5/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm 08/10/2019 là: 1.000.000.000 đồng x 1,667% x 29 tháng 07 ngày = 487.319.667 đồng (làm tròn 487.320.000 đồng). Tuy nhiên, trong quá trình vay vợ chồng anh P và chị T có chuyển trả lãi 100.000.000 đồng cho chị H được các bên đương sự thừa nhận. Do đó, số tiền lãi mà anh P, chị T và ông H phải trả cho chị H là: 487.320.000 đồng – 100.000.000 đồng = 387.320.000 đồng.

Xét yêu cầu của chị T tại phiên tòa cho rằng, vợ chồng anh P và chị T chỉ đồng ý trả cho chị H $\frac{1}{2}$ số tiền của 1.000.000.000 và yêu cầu ông H trả $\frac{1}{2}$ số tiền 1.000.000.000 đồng là không có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ, hợp đồng vay giữa chị H với anh P, chị T và ông H đối với số tiền 1.000.000.000 đồng, khi vay các bên không có sự thỏa thuận với chị H về việc phân chia kỷ phần của số tiền vay và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của chị H cũng không thống nhất với yêu cầu của chị T, mà yêu cầu anh P, chị T và ông H phải cùng liên đới trả cho chị H số tiền nợ vay vốn gốc và lãi suất theo quy định pháp luật.

Xét yêu cầu phản tố của anh P và chị T đề nghị xem xét đến hợp đồng hùn vốn với ông H là không thuộc trường hợp phản tố, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã có thông báo trả lại đơn phản tố, nên Hội đồng xét xử không xem xét, nếu các bên có tranh chấp thì khởi kiện thành vụ kiện khác.

Từ cơ sở nhận định trên, trong T luận, nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị H và ý kiến phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, buộc vợ chồng anh P, chị T và ông H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị H số tiền gốc là 1.000.000.000 đồng và lãi suất 387.320.000 đồng, tổng cộng số tiền vốn gốc và lãi suất là 1.387.320.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí sơ thẩm được tính như sau: 1.387.320.000 đồng = [36.000.000 + (3% x 587.320.000 = 17.619.600 đồng) = 53.619.600 đồng] làm tròn thành 53.620.000 đồng.

Yêu cầu của chị H được chấp nhận nên chị H không phải chịu tiền án phí. Hoàn trả cho chị H số tiền tạm ứng án phí là 21.000.000 đồng đã nộp theo

lai thu số 0002178 ngày 24/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Kiên Giang.

Buộc anh P, chị T và ông H phải nộp 53.620.000 đồng. Nhưng ông H là người cao tuổi, thuộc đối tượng được miễn án phí, nên ông H được miễn nộp số tiền án phí giá ngạch 17.873.000 đồng. Buộc anh P và chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch là 35.747.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các Điều 147, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ các Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Minh H.

2. Buộc bị đơn anh Nguyễn Văn P, chị Nguyễn Kim T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh H liên đới trả cho nguyên đơn chị Nguyễn Thị Minh H số tiền nợ vay vốn gốc 1.000.000.000 đồng và lãi suất 387.320.000 đồng, tổng cộng số tiền vốn gốc và lãi suất là 1.387.320.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không trả số tiền nêu trên thì còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

3. Về án phí:

3.1. Hoàn trả cho nguyên đơn chị Nguyễn Thị Minh H số tiền tạm ứng án phí 21.000.000 đồng đã nộp theo lai thu số 0002178 ngày 24/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Kiên Giang.

3.2. Buộc bị đơn anh Nguyễn Văn P, chị Nguyễn Kim T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch là 53.620.000 đồng. Nhưng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh H là người cao tuổi, thuộc đối tượng được miễn án phí, nên người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh H được miễn nộp số tiền án phí giá ngạch 17.873.000 đồng. Buộc bị đơn anh Nguyễn Văn P và chị Nguyễn Kim T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch là 35.747.000 đồng.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Báo quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Minh H, bị đơn chị Nguyễn Kim T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn P vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS nhân dân tỉnh Kiên Giang;
- Chi cục THA huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Bình Đảo